

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:16/2023/DS-ST

Ngày 28 tháng 02 năm 2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán H1ng hóa*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG.**

Với tH1nh phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuần;

- Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Nguyễn Ngọc Trứ.

2- Ông Nguyễn Xuân Trường.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Hiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên toà: Ông Lê Đình Duy - Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 259/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2023. Về việc “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán H1ng hóa*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXX -DS ngày 19/01/2023; Quyết định hoãn phiên tòa 12/2023/QĐST-HPT ngày 09/02/2023

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H- Sinh năm 1968 (có mặt)

Cư trú: thôn Ninh T, xã Hợp TH, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T- Sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Cư trú: thôn Ninh T, xã Hợp TH, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Vũ Thị H1- Sinh năm 1969 (Có đơn xin vắng mặt)

Cư trú: thôn Ninh T, xã Hợp TH, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 01/11/2022; bản tự khai; Biên bản tiếp cận công khai chứng cứ; biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn H trình bày:

Gia đình nH1 anh có kinh doanh buôn bán cám thức ăn chăn nuôi gia súc anh Nguyễn Văn T là người cùng thôn có đến gia đình nH1 anh mua cám nhiều lần Thời gian lấy cám chăn nuôi bắt đầu từ năm 2015 đến năm 2019 thì dừng lại các lần lấy có lần thanh toán ngay có lần chịu lại, những lần lấy cám anh đều ghi sổ sách theo dõi đầy đủ, đến ngày 08/7/ 2018 giữa anh và anh T có chốt lại nợ với nhau anh T còn nợ gia đình anh là 52.700.000đ và anh T ký nhận, đến ngày 30 8/2018 thì anh T đã trả được một lần 2.000.000 đồng và mãi đến ngày 25/8/2021 anh T trả thêm cho anh được 8.000.000đ. Tổng số tiền anh T đã trả được 10.000.000 đồng. Hiện nay anh T còn nợ gia đình anh là 42.700.000 số tiền này anh đòi nhiều lần nhưng anh T

không trả .Nay anh yêu cầu anh Nguyễn Văn T trả cho anh số tiền nợ gốc là 42.700.000 đồng

Về tiền lãi: Anh đề nghị tính theo lãi xuất theo quy định của pháp luật hiện nay là 10% thời gian tính lãi từ ngày chốt nợ ngày 08 tháng 7 năm 2018 cho đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa anh chỉ yêu cầu anh T trả lãi tính tròn là 18.000.000 đồng.

Tổng số tiền cả gốc và lãi anh yêu cầu anh T trả cho anh tính tròn là 60.700.000 đồng (Sáu mươi triệu bảy trăm nghìn đồng)

Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án làm việc và không có bản tự khai ghi ý kiến trình bày của mình gửi cho tòa án. Tuy nhiên trong biên bản ghi lời khai có sự chứng kiến của chính quyền địa phương.

Anh T trình bày: Anh và anh Nguyễn Văn H là chỗ quen biết và là người cùng thôn vợ anh là bà Nguyễn Thị Thăng đã chết năm 2018.

Từ năm 2015 đến năm 2016 gia đình anh có chăn nuôi gia súc, gia cầm và gia đình anh có lấy thức ăn chăn nuôi của đại lý cám gia đình anh H, lấy nhiều lần, có lần trả, có lần chịu, đến ngày 08/7/2018 thì giữa anh và anh H có chốt nợ với nhau và anh còn nợ anh H 52.700.000 đồng tiền cám, đến tháng 8/2021 thì anh thanh toán trả cho anh H được tổng số tiền là 10.000.000 đồng.

Anh xác định còn nợ gia đình anh H là 42.700.000 đồng, anh H có đến đòi nhiều lần, nhưng anh chưa có tiền trả. Nay anh H có đơn khởi kiện yêu cầu anh trả số tiền 42.700.000 đồng thì anh đồng ý trả, nhưng do chăn nuôi thua lỗ, anh chưa có tiền để trả, anh xin được trả dần.

Về tiền lãi anh H yêu cầu, anh không đồng ý vì khi anh mua cám chịu đã tính tiền lãi rồi.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà H1 trình bày: bà là vợ của anh Nguyễn Văn H, bà đồng ý với ý kiến trình bày của anh H là chồng, bà yêu cầu anh Nguyễn Văn T trả cho vợ chồng bà số tiền nợ gốc mua cám là 42.700.000 đồng và trả số tiền lãi là 10%/năm tính từ ngày chốt nợ cho đến ngày xét xử là 18.000.000 đồng.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến; về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 430; Điều 431, Điều 433; Điều 440; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

Buộc anh Trần Văn T pH có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị H1 tổng số tiền còn nợ là 60.700.000 đồng (Sáu mươi triệu bảy trăm nghìn đồng) Trong đó tiền nợ gốc 42.700.000 đồng và 18.000.000 đồng tiền lãi).

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T pH chịu 3.035.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả anh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo đối với đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định.

[1]- Về tố tụng:

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn T H1nh xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên là phù hợp với quy định tại Điều 227; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự, đề các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập và thông báo về phiên hòa giải hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên hòa giải nên không T H1nh hòa giải giữa các đương sự được.

Về phiên họp: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ tại phiên họp, bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được thông báo hợp lệ hai lần đều vắng mặt không có lý Tòa án đã tiền H1nh phiên họp công khai chứng cứ vắng mặt đương sự đối với anh T là phù hợp quy định tại Khoản 3 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

2.1. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H yêu cầu anh Nguyễn Văn T pH trả số tiền còn nợ mua cám chăn nuôi tổng số 42.700.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Các bên khi mua bán H1ng hóa, tuy không làm hợp đồng mua bán, nhưng có thỏa thuận với nhau về việc mua bán và đã chốt nợ với nhau đối với số tiền còn nợ. Khi có tranh chấp nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết, nên xác định đây là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán H1ng hóa*”. Quan hệ giữa các bên là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được khi có tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự.

2.2 Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn cư trú ở địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]- Về thời hiệu khởi kiện vụ án của nguyên đơn: Các đương sự không ai có ý kiến xem xét về thời hiệu.

[4]- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: anh Nguyễn Văn H yêu cầu anh Nguyễn Văn T pH trả số tiền còn nợ mua cám là 42.700.000 đồng và 18.000.000 đồng tiền lãi tính từ 08/7/2018 cho đến ngày xét xử

HĐXX thấy rằng: Qua các lời khai của đương sự nguyên đơn; bị đơn và các tài liệu chứng cứ thể hiện giữa các bên có chốt nợ với nhau tiền mua cám, số tiền còn nợ mua cám còn nợ là 52.700.000 đồng là có thật. Số tiền anh T đã trả cho gia đình anh H là 10.000.000 đ. Số tiền còn nợ là 42.700.000 đồng. Anh T thừa nhận còn nợ số tiền trên, nhưng do làm ăn chăn nuôi thua lỗ, nên chưa có tiền để trả, anh xin được trả dần, do vậy yêu cầu khởi kiện của anh H là có căn cứ cần được chấp nhận.

Về yêu cầu đòi lãi của nguyên đơn anh Nguyễn Văn H: Yêu cầu tính lãi kể từ ngày chốt nợ ngày 08/7/2018 đến ngày xét xử; bị đơn anh T không đồng ý việc trả lãi. HĐXX nhận thấy việc giao kết mua bán H1ng hóa giữa các bên không có thỏa thuận với nhau về thời hạn trả, phương thức thanh toán, không có thỏa thuận với nhau về lãi, tuy nhiên theo lời khai của đương sự kể từ thời điểm chốt nợ anh H đã đến đòi nhiều lần nhưng anh T không trả và khát nợ nhiều lần. Theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự, thì bên mua pH có trách nhiệm thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản, vậy anh T vi phạm không trả tiền cho bên bán là vi phạm về nghĩa vụ trả tiền, như vậy kể từ thời điểm chốt nợ ngày 08/7/2018 khi hai bên chốt nợ mua bán H1ng hóa với nhau thì bên mua H1ng hóa là anh Nguyễn Văn T đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu của nguyên đơn buộc anh T pH trả lãi là 10% trên năm kể từ 8/2017 đến ngày xét xử tính tròn là 18.000.000 đồng là có căn cứ cần được chấp nhận.

Tổng số tiền anh T pH trả cho vợ chồng anh H cả gốc và lãi là 60.700.000 đồng, trong đó tiền gốc là 42.700.000 đồng, tiền lãi: 18.000.000 đồng

Từ những phân tích đánh giá nêu trên. Hội đồng xét xử thấy rằng có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn H, chị Vũ Thị H1 số tiền còn nợ cả gốc và lãi là 60.700.000 đồng, trong đó tiền gốc là 42.700.000 đồng, tiền lãi: 18.000.000 đồng

[5]- Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 26, Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội anh Nguyễn Văn T pH chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên anh H không pH chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự đối với Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án và việc giải quyết vụ án là có căn cứ.

[6]- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 430; Điều 431, Điều 433; Khoản 3 Điều 440; khoản 1 Điều 357; Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

Buộc anh Nguyễn Văn T pH trả cho cho anh Nguyễn Văn H, chị Vũ Thị H1 số tiền còn nợ cả gốc và lãi là 60.700.000 đồng (Sáu mươi triệu bảy trăm nghìn đồng) trong đó tiền gốc là 42.700.000 đồng, tiền lãi: 18.000.000 đồng.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T pH chịu 3.035.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả anh Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.900.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008478 ngày 25/11/2022 tại chi cục thi H1nh án dân sự huyện Hiệp Hòa.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

4. Về nghĩa vụ chậm thi H1nh án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi H1nh án xong đối với các khoản tiền mà bên có nghĩa vụ pH thanh toán cho bên được thi H1nh án, H1ng tháng bên pH thi H1nh án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi H1nh án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Về hướng dẫn thi H1nh án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi H1nh theo quy định tại Điều 2 của Luật thi H1nh án dân sự thì người được thi H1nh án dân sự, người pH thi H1nh án dân sự có quyền thoả thuận thi H1nh án, quyền yêu cầu thi H1nh án, tự nguyện thi H1nh án hoặc bị cưỡng chế thi H1nh án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật thi H1nh án dân sự; thời hiệu thi H1nh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi H1nh án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa,
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thanh Thuận

